BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ NỘI VỤ

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

PHẠM THỊ HẢI HÀ

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ QUYỀN CỦA TRẺ EM Ở VIỆT NAM

Chuyên ngành: Quản lý công

Mã số: 62 34 04 03

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ QUẢN LÝ CÔNG

HÀ NỘI - 2016

Công trình được hoàn thành tại: Học viện hành chính quốc gia – Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học:

1. **PGS.TS. Đinh Thị Minh Tuyết**
2. **PGS.TS. Nguyễn Minh Phương**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện

Địa điểm: Phòng Bảo vệ luận án tiến sĩ – tầng Nhà , Học viện hành chính quốc gia – Số 77, đường Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội

Thời gian: vào hồi giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viên Quốc gia Việt Nam
Hoặc thư viện của Học viện Hành chính quốc gia

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài luận án

Cơ sở hạ tầng (hay còn gọi là kết cấu hạ tầng) là nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội, đời sống dân sinh của mỗi quốc gia, mỗi địa phương. Cơ sở hạ tầng (CSHT) mang tính chất của loại hàng hóa công, dịch vụ công, rất thiết yếu cho sự phát triển các ngành kinh tế và đời sống xã hội. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật (CSHTKT) là bộ phận quan trọng nhất, là "phần cứng" của hệ thống CSHT.

Tại nhiều quốc gia trên thế giới, đều xác định đầu tư vào CSHTKT là đầu tư tất yếu nếu muốn phát triển nền kinh tế đất nước.

Lý luận và thực tiễn phát triển nền kinh tế thị trường (KTTT) cho thấy, trong đầu tư CSHTKT, có một số khó khăn thường xuất hiện khi thiếu sự can thiệp của nhà nước hoặc: *Thứ nhất,* việc đầu tư vào CSHTKT đòi hỏi nguồn lực lớn về tài chính (vốn đầu tư ban đầu) mà không phải tư nhân nào cũng có thể thực hiện được. *Thứ hai,* hầu hết các doanh nghiệp tư nhân với mục tiêu đầu tư là lợi nhuận, nhưng đầu tư vào cơ sở hạ tầng có thời gian hoàn dài và lợi nhuận thấp hoặc không lãi. *Thứ ba,* sẽ phát sinh sự độc quyền khi cơ sở hạ tầng được tư nhân hóa. *Thứ tư,* sức mạnh các nguồn lực đầu tư của nhà nước dễ bị xói mòn bởi sự cấu kết bòn rút và tham nhũng của công.

Không một nền kinh tế nào hoạt động hiệu quả được nếu không có nhà nước đóng vai trò thích hợp và ngay cả nếu vai trò đó được giới hạn ở mức tối thiểu thì cũng rất là to lớn. Vai trò của nhà nước trong hoạt động đầu tư phát triển CSHTKT là Nhà quản lý, Nhà đầu tư (đầu tư công), Nhà cung ứng dịch vụ công và là Người kiểm soát

Với Thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM) là đô thị đặc biệt, một trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế, là đầu tàu, động lực, có sức hút và sức lan tỏa lớn của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước. Nhưng Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay: "kết cấu hạ tầng đã yếu kém, ngày càng quá tải, bất cập, cản trở việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân. Quy hoạch và quản lý đô thị chưa theo kịp tốc độ phát triển. Tình trạng ùn tắc giao thông, ngập nước, ô nhiễm môi trường vẫn nghiêm trọng, có mặt ngày càng gay gắt hơn"

Để góp phần khắc phục những hạn chế chủ yếu nêu trên và để thực hiện mục tiêu tổng quát đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là: Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại với vai trò là đô thị đặc biệt, đi đầu và làm động lực trong sự

nghiệp CNH, HĐH đất nước, sớm trở thành một trung tâm lớn về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học công nghệ của khu vực Đông Nam Á … Và để thực hiện được bước đột phá này đòi hỏi phải thu hút, phát huy mọi nguồn lực của xã hội; đòi hỏi nâng cao vai trò của Nhà nước Trung ương và Chính quyền địa phương đối với sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP.HCM.

Với lý do đó, nghiên cứu sinh đã chọn nghiên cứu đề tài *"Vai trò của Nhà nước đối với sự phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh"*.

2. Mục đích, ý nghĩa của việc nghiên cứu đề tài luận án

Mục đích nghiên cứu đề tài là nhằm làm rõ cơ sở khoa học về vai trò của Nhà nước đối với sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM, góp phần cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, huy động mọi nguồn lực tập trung phát triển CSHTKT trên địa bàn TP. HCM nhằm tạo bước đột phá trong xây dựng CSHTKT trên địa bàn Thành phố.

Việc nghiên cứu đề tài có ý nghĩa quan trọng đối với cả nước, góp phần thực hiện đột phá chiến lược xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại tại đô thị lớn nhất cả nước là TP. HCM; góp phần làm rõ cơ sở khoa học về đầu tư công vào lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Trên cơ sở đó, Luận án kiến nghị với Chính phủ sửa đổi bổ sung những cơ chế, chính sách không còn phù hợp, kiến nghị với Chính quyền địa phương TP.HCM những cơ chế, biện pháp để nâng cao vai trò của Chính quyền địa phương đối với sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn Thành phố.

3. Kết cấu của Luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung Luận án kết cấu thành 4 Chương, gồm:

Chương 1: Tổng quan các nghiên cứu liên quan đến vai trò của nhà nước đối với sự phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Chương 2: Cơ sở lý luận về vai trò của nhà nước đối với sự phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn một thành phố cấp tỉnh

Chương 3: Thực trạng vai trò của Nhà nước đối với sự phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Chương 4: Các giải pháp nâng cao vai trò của nhà nước đối với sự phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1.1 Tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố liên quan đến vai trò của nhà nước đối với sự phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật

1.1.1 Tổng quan các nghiên cứu đã công bố ở nước ngoài liên quan đến vấn đề vai trò của nhà nước đối với sự phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Đã có nhiều nghiên cứu đã công bố ở nước ngoài liên quan đến vấn đề vai trò của nhà nước đối với sự phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật như: Lý thuyết tự do mới và trường phái trọng tiền hiện đại (đại biểu là Friedman); Lý thuyết kinh tế thị trường xã hội (cựu Thủ tướng CHLB Đức Ludwig Wilhelm Erhard); Lý thuyết về nền kinh tế hỗn hợp của Paul Anthony Samuelson; Adam Smith (1776) "Sự thịnh vượng của các quốc gia"; J.B. Nugent (1991) "Lý thuyết phát triển và các giải pháp trong nền kinh tế thị trường"; Muhammad Shahid Alam (1993), "Chính phủ và thị trường trong các chiến lược phát triển kinh tế"; Joyce Kolko (1991), "Cải cách cơ cấu nền kinh tế thế giới"; E. Anderson (2006), "The role of pubic Investment in poverty reduction: Theories, evidence and method"; Zhang (2011), nghiên cứu về mô hình tăng trưởng nội sinh đa ngành; Harold Lever và Christopher Huhne (1985), "Vay nợ và hiểm họa"; Bruce và Turnovsky (1999), Groneck (2010), Bruckner và Tuladhar (2010) về "vòng xoáy nợ công".

Mặc dù cách tiếp cận và lập luận có khác nhau, nhưng nhìn chung, các nghiên cứu đều xác định: CSHTKT là loại hàng hóa công cộng; thừa nhận vai trò của Nhà nước rất quan trọng, là không thể thiếu trong việc phát triển đầu tư CSHTKT, phát triển KT-XH của một quốc gia.

1.1.2 Tổng quan các nghiên cứu đã công bố trong nước liên quan đến vấn đề vai trò của Nhà nước đối với phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Bao gồm các nghiên cứu: Bùi Tất Thắng (chủ nhiệm) (2000), "Vai trò của Nhà nước và thị trường trong nền kinh tế Việt Nam"; Nguyễn Thị Cành (2004), "Tác động của đầu tư vốn ngân sách đến thu hút các nguồn vốn đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh"; Trần Kim Chung (2013-2014), "Tái cấu trúc đầu tư công trong khuôn khổ đổi mới mô hình tăng trưởng của Việt Nam". Các nghiên cứu nói trên đã chứng minh rằng, vai tò của Nhà nước trong việc thu hút vốn toàn xã hội cho đầu tư phát triển CSHTKT là vô cùng cần

thiết, sẽ phát triển các ngành kinh tế khác và qua đó phát triển cả nền kinh tế đất nước.

Có những nghiên cứu chia sẻ kinh nghiệm phát triển CSHTKT của Hàn Quốc như: Beom Jung Kim, Hyong Mo Jeon và Nguyễn Văn Vịnh (2011), "Phát triển cảng biển hiện đại tại Việt Nam: Chia sẻ kinh nghiệm của Hàn Quốc"; Yeong Heok Lee (2011), "Phát triển cảng hàng không hiện đại ở Việt Nam: Chia sẻ kinh nghiệm của Hàn Quốc".

Bên cạnh đó, có các nghiên cứu ngay trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh như: "Chuyển dịch cơ cấu nội bộ các ngành kinh tế trên địa bàn Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam" của Viện Kinh tế TP.HCM (2015); "Một số cơ chế tài chính ngân sách đặc thù đối với TP. HCM" của Bộ Tài chính (2004); "Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng khu vực TP. HCM" của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với UBND Thành phố Hồ Chí Minh (2008); "Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025" của Bộ Xây dựng phối hợp với UBND TP.HCM (2010); "Xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025" của UBND TP. HCM (2013). Các nghiên cứu đã góp phần chỉ ra các vấn đề cơ bản về CSHTKT mà TP. HCM hiện phải đối mặt cần giải quyết xử lý, cũng như các vấn đề cần làm trong tương lai.

1.1.3 Những vấn đề thuộc đề tài Luận án chưa được các công trình đã công bố nghiên cứu giải quyết (khoảng trống tri thức)

- Cơ sở lý luận, khung lý thuyết phân tích, đánh giá vai trò của nhà nước đối với sự phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn cấp tỉnh, thành phố nói riêng, cấp độ quốc gia nói chung.
- Thực trạng vai trò của Chính phủ (Trung ương) và của chính quyền TP. HCM đối với phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM, những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân; những vấn đề thực tiễn đang đặt ra cần giải quyết trong thời gian tới để phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM.
- Chính quyền địa phương ở TP. HCM đã thực hiện vai trò gì đối với phát triển đầu tư CSHTKT, đối với quản lý, sử dụng và vận hành CSHTKT trên địa bàn địa phương.
- Những quan điểm chỉ đạo, phương hướng chiến lược và giải pháp vĩ mô, trung mô (địa phương cấp tỉnh) nào cần được thực hiện; các phương thức nào cần được áp dụng để thúc đẩy phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM trong thời kỳ tới 2020, tầm nhìn 2030...

1.2 Phương hướng giải quyết các vấn đề nghiên cứu của đề tài luận án

1.2.1 Mục tiêu nghiên cứu đề tài luận án

** Mục tiêu tổng quát:* Luận giải rõ cơ sở lý luận khoa học của việc đề xuất định hướng phát triển đầu tư CSHTKT và giải pháp nâng cao vai trò của Nhà nước đối với phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

** Các mục tiêu cụ thể:*

- Xây dựng khung lý thuyết cho việc phân tích, đánh giá vai trò của nhà nước đối với sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn một thành phố cấp tỉnh.

- Đánh giá khách quan thực trạng vai trò của Nhà nước đối với sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM, phát hiện những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân, những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong giai đoạn tới.

- Xác định nhu cầu đầu tư, các định hướng chiến lược phát triển CSHTKT trên địa bàn TP. HCM và đề xuất các giải pháp nâng cao vai trò của Nhà nước đối với phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

1.2.2 Đối tượng nghiên cứu và giới hạn phạm vi nghiên cứu đề tài luận án

**** Đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án***

Đối tượng nghiên cứu của đề tài chính là Vai trò của Nhà nước đối với sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM

**** Giới hạn phạm vi nghiên cứu đề tài***

- *Về nội dung:* Luận án tập trung nghiên cứu sâu về phát triển CSHTKT, về sự phát triển đầu tư CSHTKT và vai trò của Nhà nước, Chính phủ (Trung ương) và chính quyền Thành phố (TP. HCM) đối với sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM. Trong đó, tập trung xác định rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò của nhà nước trong việc thu hút, huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển CSHTKT trên địa bàn TP. HCM; nghiên cứu vai trò của nhà nước đối với sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP.HCM trên 4 phương diện: Nhà quản lý, Nhà đầu tư, Nhà cung cấp dịch vụ công và Người kiểm soát sự phát triển đầu tư CSHTKT thông qua nghiên cứu vai trò của nhà nước ở Trung ương và vai trò của Chính quyền Thành phố

Luận án không nghiên cứu vai trò của Nhà nước ở cấp Quận, Huyện và Phường xã và cũng giới hạn không nghiên cứu sâu từng lĩnh vực của hệ thống CSHTKT; các vấn đề cụ thể về quản lý sử dụng, vận

hành, khai thác các công trình CSHTKT; không nghiên cứu sâu các nguồn lực khác như: nhân lực, đất đai đầu tư phát triển CSHTKT trên địa bàn Thành phố.

- *Về không gian:* phạm vi địa bàn TP. HCM, nhưng có đặt trong mối quan hệ hữu cơ với Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước trong điều kiện hội nhập khu vực và toàn cầu của Việt Nam.

- *Về thời gian:* Phân tích, đánh giá thực trạng đối tượng nghiên cứu thời kỳ 2006-2015; đề xuất phương hướng, giải pháp cho giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030.

1.2.3 Cách tiếp cận đối tượng nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu đề tài luận án

Cách tiếp cận đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án.

- Từ góc độ chuyên ngành Quản lý kinh tế, trong đó, chủ thể quản lý là Nhà nước Trung ương và chính quyền địa phương TP.HCM, đối tượng hay khách thể quản lý là sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP.HCM; Vai trò của Nhà nước Trung ương và chính quyền địa phương đối với sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP.HCM được nghiên cứu trên các phương diện: Nhà quản lý, Nhà đầu tư, Nhà cung cấp dịch vụ công, và Người kiểm soát.

- Căn cứ lý thuyết về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường hiện đại, xác định vai trò của nhà nước đối với đầu tư phát triển CSHTKT với tính chất là một loại hàng hóa công, dịch vụ công và nhà nước trực tiếp sử dụng nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động khác đầu tư phát triển CSHTKT của nền kinh tế (đầu tư công).

- Tiếp cận vấn đề phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn một thành phố cấp tỉnh, chủ yếu từ góc độ thể chế kinh tế, liên kết kinh tế giữa Nhà nước và Tư nhân, liên kết vùng và liên kết kinh tế quốc tế để thu hút, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn.

Các phương pháp nghiên cứu đề tài luận án

Sử dụng phương pháp khái quát hóa kết hợp với phương pháp tổng hợp trong việc nghiên cứu xây dựng khung lý thuyết cho việc phân tích, đánh giá vai trò của nhà nước. Sử dụng các phương pháp phân tích, chứng minh, thống kê - so sánh để phân tích, đánh giá thực trạng phát triển đầu tư CSHTKT và thực trạng vai trò của Nhà nước. Sử dụng số liệu thống kê để phân tích, chứng minh cho các nhận định, đánh giá thực trạng và làm cơ sở cho các dự báo về phát triển CSHTKT, phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM. Sử dụng phương pháp nội suy kết hợp với phương pháp diễn dịch để đề xuất giải pháp nâng cao vai trò của Nhà nước đối với sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM giai đoạn đến 2020, tầm nhìn 2030.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TRÊN ĐỊA BÀN MỘT THÀNH PHỐ CẤP TỈNH

2.1 Cơ sở hạ tầng kỹ thuật và phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn một thành phố cấp tỉnh

2.1.1 Cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn một thành phố cấp tỉnh

Cơ sở hạ tầng chính là tập hợp hệ thống phức tạp, liên hoàn các công trình kỹ thuật phục vụ cho hoạt động kinh tế và dân sinh. Thường được chia thành hai bộ phận lớn: cơ sở hạ tầng kỹ thuật (CSHTKT) và cơ sở hạ tầng xã hội. Hệ thống CSHTKT bao gồm: các công trình giao thông; thông tin và truyền thông; cấp điện; cấp - thoát nước; xử lý nước thải, chất thải; hệ thống công trình đê điều ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. CSHTKT đa phần là loại hàng hóa công cộng; Dịch vụ công chính là hoạt động, là hành vi của nhà nước cung cấp hàng hoá công cộng cho công dân.

"Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương" gọi chung là cấp tỉnh. TP. HCM là đơn vị hành chính cấp tỉnh loại đặc biệt. Hệ thống CSHTKT trên địa bàn thành phố cấp tỉnh có tính đa dạng, nhiều cấp độ và có nhiều đặc thù so với CSHTKT trên địa bàn thành phố trực thuộc tỉnh. Xét về các đặc thù, thường xét theo: đặc thù về không gian và tổ chức không gian phát triển CSHTKT; đặc thù về phân vùng; đặc thù về phân khu chức năng trong tổ chức phát triển của thành phố hiện đại cấp tỉnh.

2.1.2 Đầu tư CSHTKT và sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn một thành phố cấp tỉnh

Đầu tư CSHTKT chính là hoạt động sử dụng các nguồn vốn vào phát triển hệ thống CSHTKT. Nguồn vốn đầu tư có từ hai khu vực, khu vực tư nhân và khu vực nhà nước. Hoạt động đầu tư gồm 3 loại: Hoạt động đầu tư của nhà nước (đầu tư công), đầu tư tư nhân và kết hợp giữa nhà nước với tư nhân trong đầu tư (hợp tác công tư).

Đầu tư công là hoạt động đầu tư của nhà nước. Vốn đầu tư công gồm: vốn ngân sách nhà nước; vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn vay dưới mọi hình thức đầu tư phát triển của nhà nước trung ương và địa phương; vốn từ các nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước. Dự án đầu tư công là dự án đầu tư sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn đầu tư công. Hoạt động đầu tư công bao gồm lập, thẩm định, quyết định chương trình, dự án đầu tư công; lập, thẩm định, quyết định, giao, triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công;

theo dõi và đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch chương trình, dự án đầu tư công.

Những yếu tố cơ bản ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển đầu tư CSHTKT đó là: nguồn vốn, con người (nguồn nhân lực), tiềm lực khoa học công nghệ, luật pháp, chính sách đầu tư và nhất là doanh nghiệp - tổ chức kinh tế - bao gồm cả khu vực nhà nước và tư nhân.

* Nội dung phát triển đầu tư CSHTKT của thành phố cấp tỉnh: (1) Xây dựng, hoàn thiện thể chế đầu tư CSHTKT; (2) Xác định và phân loại khu vực đầu tư CSHTKT trên địa bàn thành phố cấp tỉnh để định hướng thu hút các nguồn vốn đầu tư; (3) Xác định nhu cầu và thực hiện các chương trình đề án thu hút, huy động vốn; tạo lập cơ cấu nguồn vốn đầu tư hợp lý, phù hợp với điều kiện cụ thể của thành phố trong từng giai đoạn lịch sử; (4) Triển khai thực hiện các hoạt động đầu tư phát triển CSHTKT trên địa bàn thành phố.

* Hình thức phát triển đầu tư CSHTKT của thành phố cấp tỉnh.

(1) Nhóm các hình thức đầu tư công xây dựng CSHTKT trên địa bàn thành phố cấp tỉnh:(i) nhóm do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở Trung ương quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư; (ii) nhóm do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương quyết định.

(2) Nhóm các hình thức đầu tư xây dựng CSHTKT cụ thể theo hình thức đối tác công tư (PPP) như BOT, BTO, BT, BOO, …

2.1.3 Vai trò của phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn thành phố cấp tỉnh

CSHTKT có tác động thúc đẩy đầu tư phát triển của các ngành khác mạnh nhất. Sự phát triển CSHT làm tăng chất lượng môi trường sống, tăng chất lượng cuộc sống cho người dân, tăng sức khỏe cộng đồng; giảm thiểu chi phí cho doanh nghiệp; giảm thiểu thời gian cho các hoạt động không tạo ra giá trị, tăng giá trị tạo ra từ người lao động. Do CSHTKT mang lại hiệu quả tài chính thấp nên vai trò của nhà nước phải thực hiện cung cấp, đầu tư cho CSHT.

2.1.4 Những lý thuyết có liên quan đến sự phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật

* Lý thuyết "các bên tham gia"

Định nghĩa "Các bên tham gia là bất cứ nhóm hay cá nhân nào có ảnh hưởng hay bị ảnh hưởng bởi sự đạt được mục tiêu của tổ chức". Trong đầu tư CSHTKT có ba bên chính tham gia bao gồm nhóm cung cấp tài chính, nhóm cung cấp dịch vụ kỹ thuật chuyên ngành và nhóm người mua. Nhóm người mua có thể được chia thành 2 nhóm là cộng đồng hay người chi trả để được thụ hưởng dịch vụ, tài sản công, và

Chính quyền vừa là người đại diện cho cộng đồng để "mua" và cũng là người điều hòa mối quan hệ giữa các bên.

* Lý thuyết Hợp tác công tư (Public Private partnership - PPP).

Hợp tác công tư là quan hệ giữa Nhà nước với một hoặc nhiều đối tác thuộc khu vực tư nhân cùng phối hợp và chia sẻ rủi ro để thực hiện dự án phát triển CSHT, cung cấp dịch vụ công trên cơ sở Hợp đồng quan hệ đối tác công tư (như BOT, BTO, BOO, BT. . .)

2.2 Vai trò của nhà nước đối với sự phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố cấp tỉnh

2.2.1 Cơ sở lý luận chung về vai trò của Nhà nước đối với hoạt động phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân

* Vai trò là nhà quản lý

Nhà nước tác động có tổ chức và bằng pháp quyền của nhà nước lên hoạt động đầu tư CSHTKT, nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực trong và ngoài nước, các cơ hội có thể có, nhằm đạt được các mục tiêu về sự phát triển đầu tư đã đặt ra. Nhà nước giữ vai trò là chủ thể quản lý vĩ mô (nhà quản lý) sự phát triển đầu tư CSHTKT của nền KTQD với các nội dung quản lý về phát triển đầu tư CSHTKT và sử dụng các công cụ quản lý cụ thể để đạt được mục tiêu quản lý trong từng giai đoạn (như công cụ pháp luật, công cụ kế hoạch, công cụ chính sách, công cụ tài sản quốc gia, công cụ tổ chức, công cụ kỹ thuật).

* Vai trò là một Nhà đầu tư

Vai trò là người chủ sở hữu chính là người chủ sở hữu tài sản của quốc gia, tài sản công thuộc sở hữu toàn dân, do nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Với vai trò này, nhà nước cũng là một Nhà đầu tư CSHTKT. Các nhà nước hiện đại đều thực hiện vai trò là nhà đầu tư lớn nhất phát triển hệ thống CSHTKT của nền KTQD.

* Vai trò là Nhà cung ứng dịch vụ công

Nhà nước dịch vụ công là nhà nước xem quản lý là phục vụ, lấy việc cung cấp các sản phẩm công cộng mà tư nhân hoặc xã hội không cung cấp, hoặc không có năng lực cung cấp là chức năng chính. Nhà nước cung cấp dịch vụ CSHTKT bằng một hoặc hai hướng: (1) cung cấp trực tiếp thông qua các DNNN hoặc các cơ quan sự nghiệp của Nhà nước; (2) Nhà nước tạo điều kiện khuyến kích tư nhân cung cấp các dịch vụ CSHTKT – thông qua chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư và đảm bảo lợi ích cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công

* Vai trò là Người kiểm soát

Kiểm tra, kiểm soát, giám sát trên bốn phương diện chủ yếu: (1) việc thực hiện pháp luật về đầu tư và pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư CSHTKT; (2) các hoạt động tài chính thực hiện các chương

trình, dự án đầu tư CSHTKT; (3) kiểm soát nội bộ trong hệ thống cơ quan nhà nước có chức năng QLNN về đầu tư CSHTKT; (4) kiểm tra, kiểm soát của chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư CSHTKT và các DNNN tham gia thực hiện các dự án đầu tư CSHTKT.

2.2.2 Phân định vai trò của nhà nước ở trung ương và vai trò của chính quyền địa phương đối với sự phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố cấp tỉnh

Vai trò của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở Trung ương và vai trò của chính quyền địa phương đối với sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn thành phố cấp tỉnh đều thể hiện trên cả 4 phương diện chủ yếu: Vai trò Nhà quản lý, vai trò Nhà đầu tư (đầu tư công), vai trò Nhà cung cấp dịch vụ công và vai trò Người kiểm soát hoạt động đầu tư CSHTKT. Trong đó, có sự phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phân quyền, phân cấp theo quy định của Hiến pháp, pháp luật giữa cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp và cơ quan tư pháp cấp trung ương; cũng như có sự phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phân cấp theo quy định của pháp luật của chính quyền thành phố.

2.3 Kinh nghiệm của một số nước về vai trò của nhà nước đối với sự phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật và bài học cho Thành phố Hồ Chí Minh

2.3.1 Kinh nghiệm ở một số nước về vai trò của nhà nước đối với sự phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Luận án đã nghiên cứu kinh nghiệm của 05 quốc gia trong khu vực: Philippines, Thái Lan, Trung Quốc, Hàn Quốc và Singapore.

2.3.2 Những bài học cho Việt Nam, cho Thành phố Hồ Chí Minh từ kinh nghiệm nước ngoài

Qua nghiên cứu kinh nghiệm của 5 quốc gia trên, có thể rút ra các bài học kinh nghiệm cho Việt nam, cho Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

(1) Vai trò của Nhà nước đối với sự phát triển KT-XH, phát triển CSHTKT là cốt lõi của mọi vấn đề; (2) Nhà nước cần phải hoạch định đúng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, từ đó, có chính sách đầu tư hoạch định và thực hiện linh hoạt phù hợp là tiền đề cho việc thu hút và sử dụng mọi nguồn vốn vào phát triển CSHTKT; (3) Nhà nước phải có quan điểm chính sách nhất quán trong việc tận dụng các nguồn vốn tài trợ cho đầu tư phát triển CSHTKT; (4) Việt Nam cần xây dựng chính sách thu hút đầu tư nước ngoài một cách linh hoạt, mang tính cạnh tranh và đặt trong tổng thể phát triển KT-XH quốc gia; (5) Chính sách đầu tư phải sử dụng các công cụ quản lý toàn diện, không nên quá chú trọng vào các ưu đãi đầu tư; (6) Có sự bất ổn trong

chính trị và điều hành kinh tế thì đầu tư rất khó tăng với tốc độ cao; (7) Giảm chi phí đầu tư thông qua việc bản thân nhà nước là nhà đầu tư xây dựng CSHTKT; (8) Nhà nước cần sử dụng chính cơ chế thị trường để phát triển đầu tư CSHTKT; (9) Chính sách đầu tư dù được hoạch định đúng đắn, nhất thiết phải có một bộ máy nhà nước hiệu quả, có đội ngũ công chức công tâm, tận tuy, có trách nhiệm cao; (10) Các chính sách về đầu tư, nhất là chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực CSHTKT, liên quan mật thiết đến quan hệ đối ngoại của một quốc gia với các quốc gia còn lại.

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1 Thực trạng đầu tư phát triển CSHTKT trên địa bàn TP. HCM

3.1.1 Khái quát thực trạng đầu tư phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2001-2015.

Trong giai đoạn 2001-2010, GDP Thành phố tăng bình quân trên 11%/năm. Nhưng giai đoạn 2011 - 2015, GDP thành phố tăng bình quân 9,6%/năm, gấp 1,66 lần so với cả nước (tăng 5,78%), đây là dấu hiệu tăng trưởng kinh tế giảm, GDP bình quân thấp hơn các giai đoạn trước (do giai đoạn này kinh tế thế giới suy thoái trầm trọng và kéo dài, khả năng phục hồi chậm; trong nước, những yếu kém nội tại chưa được giải quyết căn cơ…). Dù vậy, chất lượng tăng trưởng kinh tế Thành phố từng bước được nâng cao thông qua chỉ số ICOR có xu hướng giảm.

Bảng 3. 1: Tỉ lệ đầu tư trên GDP và hệ số ICOR của kinh tế TP.HCM qua các giai đoạn 2001-2005, 2006-2010 và 2011-2015

Đơn vị tính: tỷ lệ %

Năm	**2001**	**2002**	**2003**	**2004**	**2005**	**2001-2005**
Tốc độ tăng trưởng GDP	10	10	11	12	12	11
Tỉ lệ đầu tư/GDP	33.6	33.6	32.8	33.1	32.2	33
Hệ số ICOR	3.52	3.30	2.87	2.83	2.64	3
Năm	**2006**	**2007**	**2008**	**2009**	**2010**	**2006-2010**
Tốc độ tăng trưởng GDP	12.2	12.6	10.7	8.6	11.8	11.2
Tỉ lệ đầu tư/GDP	35.7	42.7	42.1	43.0	41.9	41.5
Hệ số ICOR	2.81	2.93	3.72	5.44	4.49	3.88

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	2011-2015
Tốc độ tăng trưởng GDP	10,3	9,2	9,3	9,6	9,9	9,6
Tỉ lệ đầu tư/GDP	40.3	36.6	30.4	29.5	29.8	33.3
Hệ số ICOR	3.64	3.87	3.61	3.45	3.31	3.58

Nguồn: Tính toán của tác giả luận án từ số liệu Cục Thống kê TP.HCM

* Về cơ cấu vốn đầu tư phát triển đã thay đổi, vốn ngoài Nhà nước tiếp tục tăng từ 50% đến 60% và vốn đầu tư ngân sách giảm - điều này cho thấy đầu tư trên địa bàn Thành phố ít phụ thuộc hơn vào ngân sách và doanh nghiệp nhà nước.

Bảng 3. 2: Quy mô và cơ cấu vốn đầu tư phát triển trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh thời kỳ 2001-2015

Đơn vị tính: Vốn: nghìn tỷ đồng; tỷ lệ: %

Nguồn vốn đầu tư	2001-2005		2006-2010		2011-2015	
	Vốn	Tỷ lệ	Vốn	Tỷ lệ	Vốn	Tỷ lệ
Vốn Ngân sách	73,800	36	193,321	32	238,000	20
Vốn ngoài nhà nước	106,600	52	302,064	50	737,800	62
Vốn nước ngoài	45,100	22	108,743	18	214,200	18
Tổng vốn đầu tư	**205,000**		**604,128**		**1,190,000**	

Nguồn: Tính toán của tác giả luận án từ số liệu Cục thống kê TP. HCM

* Về tình hình huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển trong giai đoạn 2011 – 2015.

TP. HCM là địa phương tự đảm bảo cân đối ngân sách và tỷ lệ điều tiết số thu nộp về ngân sách trung ương cao nhất trong 63 tỉnh, thành nhưng tỷ lệ điều tiết số thu được để lại cho ngân sách địa phương quy định 33% (2004), nhưng thực tế chỉ có 23% (2011-2016). Với mức điều tiết 23% hiện nay, hàng năm Thành phố gặp rất nhiều khó khăn trong việc cân đối ngân sách.

* Một số kết quả đạt được cụ thể:

(1) Về vay các nguồn vốn trong và ngoài nước (ODA).

Bảng 3. 3: Kết quả huy động các nguồn vốn vay trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2015

Đơn vị: tỷ đồng

Nội dung	2011	2012	2013	2014	2015	Tổng cộng

Tổng vốn huy động	2.600	11.723	8.148	11.580	6.925	40.976
- Vay Kho bạc nhà nước	-	2.700	-	2.000	-	4.700
- Phát hành trái phiếu chính quyền địa phương	-	3.310	3.000	3.000	3.000	12.310
- Giá trị giải ngân các dự án ODA	2.600	5.713	5.148	6.580	3.925	23.966

Nguồn: Tổng hợp của tác giả Luận án từ các nguồn số liệu của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh

(2) Về xử lý, sắp xếp lại nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước dôi dư:

TP. HCM là địa phương đầu tiên thực hiện thí điểm việc xử lý sắp xếp lại nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước dôi dư. Kết quả xử lý từ 12.921 địa chỉ nhà đất dôi dư, trong đó đã xử lý thu hồi 259 địa chỉ với tổng diện tích đất là 878.936m2. Số tiền thu được là 18.889,082 tỷ đồng.

(3) Đấu giá quyền sử dụng đất. Thành phố đã tổ chức và bán đấu giá thành công 18 khu đất, tổng giá trị thu được hơn 5.000 tỷ đồng, góp phần đầu tư phát triển cho các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn Thành phố.

(4) Thực hiện huy động tốt, đa dạng các nguồn lực xã hội để đầu tư cho phát triển CSHTKT.

3.1.2 Thực trạng huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2006-2015

*** Về huy động nguồn vốn**

(1) Huy động vốn đầu tư công

- Tổng nguồn vốn ODA thời kỳ 2006-2015 là 73.776 tỷ đồng.

- Tổng nguồn vốn NSNN sử dụng làm vốn đối ứng cho các dự án ODA thời kỳ 2006-2015 là 22.784,2 tỷ đồng.

- Tổng nguồn vốn ngân sách địa phương chi đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2010-2013 là 63.424,2 tỷ đồng.

- Tổng nguồn vốn huy động từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương đầu tư CSHTKT thời kỳ 2011-2015 là gần 12.610 tỷ đồng.

(2) Huy động thực hiện các dự án xây dựng CSHTKT theo hình thức PPP trên địa bàn thành phố:

Giai đoạn 2004-2012, có 25 dự án đầu tư theo hình thức BOT, BOO, BT đã được triển khai thực hiện với tổng mức đầu tư ước tính là 74.096 tỷ đồng; một số dự án tiêu biểu đã hoàn thành như: cầu Phú Mỹ (BOT), dự án xây dựng Nhà máy nước Thủ Đức (BOO). Khi có Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 về đầu tư theo hình thức đối

tác công tư có hiệu lực thi hành vào ngày 10/4/2015 đến quý II năm 2016, Thành phố đã kêu gọi đầu tư tổng cộng 19 dự án đầu tư theo hình thức PPP (với hình thức Hợp đồng BOT, BT, BTO, BOO…) với tổng vốn đầu tư khoảng 34.847 tỷ đồng.

(3) Huy động vốn xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật thương mại và dịch vụ công cộng:

Tổng vốn đầu tư ước đạt 2.531 triệu USD. Ngoài ra, Thành phố cũng thu hút được một phần nguồn kiều hối (khoảng 24,3 tỷ USD của giai đoạn 2011-2015) cho đầu tư các công trình hạ tầng thương mại trên địa bàn.

*** Về sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển CSHTKT giai đoạn 2011-2015**

Trong giai đoạn 2011-2015, tổng vốn đầu tư tập trung xây dựng vào 4 lĩnh vực cơ sở hạ tầng cơ bản (điện, nước và xử lý rác thải, giao thông vận tải và kho bãi, thông tin truyền thông) đạt 253.154 tỷ đồng, chiếm 21,22% tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn Thành phố và bằng khoảng 7%GDP của Thành phố trong cùng giai đoạn.

Các cứ liệu thực trạng đầu tư và sử dụng vốn đầu tư phát triển các lĩnh vực CSHTKT 5 năm qua vẫn còn một số hạn chế: Quy mô vốn đầu tư cho phát triển CSHTKT còn quá nhỏ; Cơ cấu sử dụng vốn đầu tư vào các lĩnh vực CSHTKT chậm chuyển dịch theo hướng hiện đại hóa; Tăng trưởng vốn đầu tư từ ngân sách của Thành phố cho đầu tư phát triển nói chung, đầu tư vào lĩnh vực CSHTKT nói riêng ở mức rất thấp.

3.1.3 Thực trạng phát triển CSHTKT trên địa bàn TP. HCM

1. Phát triển CSHTKT giao thông đô thị

Trong hơn 10 năm qua, TP.HCM phát triển nhanh mạng lưới giao thông đô thị, CSHT giao thông đô thị phát triển rõ nét, từ giao thông đường bộ, giao thông đường sắt, hàng không, Giao thông đường sông, đường thủy, đường biển, trong đó phải kể đến là giao thông đường bộ.

2. Phát triển CSHTKT công nghệ thông tin –viễn thông

So với các địa phương khác trong cả nước, TP.HCM có CSHT công nghệ thông tin –viễn thông khá phát triển và có những đóng góp quan trọng vào phát triển KT - XH của Thành phố. Với nền tảng cơ sở hạ tầng CNTT sẵn có của Thành phố, việc quy hoạch phát triển TP. HCM thành một "thành phố thông minh" đã được nghĩ đến.

3. Phát triển CSHTKT ngành điện

Ngành điện thời gian qua đã làm được nhiều việc cơ bản: đầu tư xây dựng công trình lưới điện 220kV, 110kV, ngầm hóa lưới điện, nâng cao năng lực vận hành lưới điện, giảm tổn thất điện năng, kết hợp tạo

mỹ quan trên địa bàn thành phố… cũng như thực hành tiết kiệm điện hiệu quả. Qua đó, sản lượng điện tăng trưởng liên tục hàng năm.

4. Phát triển CSHTKT Cấp - Thoát nước và xử lý nước thải, rác thải

(1) CSHTKT cấp nước:

Công suất cấp nước hiện nay là ổn định và chất lượng nước cung cấp luôn giữ đảm bảo. Tính đến cuối 2015, tổng công suất cấp nước sạch bình quân ước đạt 2,120 triệu m3/ngày đêm; tỷ lệ số hộ dân đô thị được cung cấp nước sạch đạt 98,5%; Khu vực nông thôn ngoại thành, khai thác 123 trạm cấp nước tập trung, phục vụ nước sinh hoạt cho 352.328 hộ dân.

(2) CSHTKT thoát nước:

Mặc dù Thành phố đã thực hiện rất nhiều công trình xử lý thoát nước đô thị như: cải tạo hệ thống thoát nước; nạo vét kênh rạch; nạo vét hệ thống cống, thay mới cống các loại có nguy cơ lún sụt, sửa chữa hầm ga; sử dụng các biện pháp ngăn triều…, nhưng hiện trạng việc giải quyết bài toán thoát nước vẫn phải tiếp tục, vẫn còn rất nhiều nơi trong nội thành bị ngập do mưa, do triều cường.

(3) CSHTKT xử lý rác thải, nước thải:

Về đầu tư các công trình xử lý rác thải trên địa bàn, về cơ bản TP.HCM đã thực hiện tốt từ công tác thu gom tập trung, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải nguy hại và rác thải y tế. Tương tư, hệ thống cộng trình xử lý nước thải y tế và nước thải công nghiệp cũng đã được kiểm soát và cải thiện.

3.2 Phân tích, đánh giá thực trạng vai trò của Nhà nước đối với sự phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại TP. Hồ Chí Minh

3.2.1 Thực trạng vai trò là Nhà quản lý đối với sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM của Nhà nước

Với vai trò là Nhà quản lý, Thành phố đã xác định các mục tiêu chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đầu tư CSHTKT; Thiết lập khung pháp luật, tạo lập môi trường đầu tư CSHTKT; Hỗ trợ phát triển, xây dựng và không ngừng phát triển CSHTKT, an sinh xã hội.

3.2.2 Thực trạng vai trò là Nhà đầu tư phát triển CSHTKT trên địa bàn TP. HCM của Nhà nước

Công ty đầu tư tài chính Nhà nước TP. HCM (HFIC) là một điển hình là Nhà đầu tư của Nhà nước. Công ty sử dụng vốn Nhà nước cấp làm "vốn mồi" thực hiện đầu tư cùng với những thành viên góp vốn là các tổ chức Kinh tế - Tài chính – Tín dụng ngoài Nhà nước ….

Bên cạnh đó, cùng với vốn ngân sách Nhà nước đầu tư và huy động vốn đầu tư của các thành phần kinh tế với nhiều hình thức đầu tư BOT, BT, BTO, BOO, hợp tác công tư (PPP) đã gia tăng đáng kể.

3.2.3 Thực trạng vai trò là Nhà cung ứng dịch vụ công trong lĩnh vực CSHTKT trên địa bàn TP. HCM của nhà nước

Đã cung cấp dịch vụ công trực tiếp thông qua các doanh nghiệp nhà nước 100% vốn chủ sở hữu cung cấp dịch vụ CSHTKT Thành phố. Và tạo điều kiện khuyến kích tư nhân cung cấp các dịch vụ CSHTKT – thông qua chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư và đảm bảo lợi ích cho các doanh nghiệp tham gia cung cấp các dịch vụ CSHTKT.

3.2.4 Thực trạng vai trò là Người kiểm soát đối với sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM của Nhà nước

Thông qua hệ thống bộ máy quản lý của mình như các Sở ngành (Sở tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở quy hoạch kiến trúc. . .), cùng với hệ thống chính quyền Ủy ban nhân dân của 24 quận huyện trên địa bàn thành phố tham gia kiểm soát…

3.3 Đánh giá tồn tại và những vấn đề đặt ra về vai trò của Nhà nước đối với sự phát triển về đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh

3.3.1 Những tồn tại chủ yếu về vai trò của Nhà nước đối với sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM và nguyên nhân.

(1) Tầm nhìn và chất lượng quy hoạch đô thị chưa cao, chưa đồng bộ, thiếu tính liên kết vùng - ngành - lĩnh vực

(2) Tổ chức và quản lý sự phát triển đầu cơ sở hạ tầng kỹ thuật của chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh còn nhiều bất cập.

(3) Vai trò của chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh trong việc chủ động dẫn dắt, thúc đẩy liên kết vùng để phát triển đầu tư CSHTKT còn mờ nhạt.

3.3.2 Một số vấn đề đặt ra cần tiếp tục giải quyết trong thời gian tới để nâng cao vai trò của Nhà nước đối với sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh

1. Những vấn đề đặt ra đối với Nhà nước ở Trung ương để huy động các nguồn lực của khu vực tư nhân đầu tư phát triển CSHTKT.

(i) Việc đầu tư theo mô hình PPP chịu sự điều chỉnh của nhiều luật: Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Doanh nghiệp…và các luật về quản lý chuyên ngành …

(ii) Các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm tới chính sách hỗ trợ bảo lãnh của Chính phủ, sự sẵn sàng chia sẻ rủi ro của Chính phủ như tỷ giá hối đoái, chuyển đổi ngoại tê…

(iii) Về việc cho phép TP. HCM áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư đối với các dự án cấp thiết triển khai nhanh như dự án cải tạo xây mới các chung cư sắp sập, các dự án hạ tầng giao thông tại một số khu vực thường xuyên xảy ra tai nạn giao thông…).

2. Một số vấn đề đặt ra đối với chính quyền TP. HCM

(i) Những vấn đề liên quan đến năng lực quản lý Nhà nước.

(ii) Những vấn đề liên quan đến các nguồn lực Nhà nước để đầu tư phát triển CSHTKT: vấn đề điều chỉnh tỷ lệ điều tiết từ tổng nguồn thu ngân sách Thành phố cho ngân sách địa phương quá thấp; về khoản thu từ đấu giá quyền sử dụng đất; về thanh toán cho đầu tư theo hình thức đối tác công tư; về bội chi ngân sách và mức dư nợ vay cho đầu tư CSHTKT; Quỹ đất của các cơ sở phải di dời; bán quyền thu phí công trình hạ tầng giao thông.

(iii) Xây dựng Thành phố thông minh (Smart City) vào năm 2025.

CHƯƠNG 4: GIẢI PHÁP NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

4.1 Định hướng phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ tới 2020, tầm nhìn 2030

4.1.1 Mục tiêu phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh

Hoàn chỉnh, nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý tốt việc thực hiện quy hoạch.. Tạo bước đột phá trong xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại; kết nối hạ tầng các tỉnh, thành phố trong Vùng; tập trung nguồn lực vào các công trình, đề án thực hiện các chương trình đột phá của thành phố nhằm giải quyết cơ bản ùn tắc giao thông, ngập nước, ô nhiễm môi trường và hạ tầng các lĩnh vực CSHTKT trọng tâm để hướng đến đô thị thông minh, đô thị sinh thái. Thu hút mạnh và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Đẩy mạnh kêu gọi và tập trung thực hiện các dự án đầu tư theo phương thức hợp tác công - tư (PPP). Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi nhà đầu tư, huy động mọi nguồn lực tập trung phát triển nhanh các CSHTKT trọng điểm. Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước, hoàn thiện chính sách để xã hội hóa mạnh mẽ công tác bảo vệ môi trường; kiên quyết tổ chức phân loại rác từ nguồn, vận chuyển, xử lý, tái chế rác thải.

*** Các chỉ tiêu phát triển chủ yếu TP. HCM đến năm 2020**

1. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa trên địa bàn thành phố (GRDP) bình quân hàng năm từ 8% - 8,5% (tính theo GDP thì tăng hơn 1,5 lần mức tăng trưởng GDP bình quân của cả nước).

2. Tổng vốn đầu tư xã hội chiếm bình quân khoảng 30% GRDP.

3. GRDP bình quân đầu người đạt 9.800 USD.

4. Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo nghề đạt 85% trong tổng số lao động làm việc.

5. Tỷ lệ thất nghiệp đô thị dưới 4,5%.

6. Đảm bảo nước sạch cho 100% hộ dân.

7. Tổng diện tích nhà ở xây dựng mới đạt 40 triệu m2 và diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt 19,8 m2/người.

8. Đến cuối năm 2020, đạt tỷ lệ 20 bác sĩ/10.000 dân, 42 giường bệnh/10.000 dân.

9. Xử lý chất thải y tế và nước thải công nghiệp đạt 100%.

10. Về năng lực quản lý của bộ máy chính quyền, thành phố trong nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước về xếp hạng chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR-index).

4.1.2 Định hướng phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn 2030

1. Định hướng phát triển không gian đô thị theo quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh

Định hướng mô hình phát triển thành phố, theo mô hình tập trung - đa cực, khu vực trung tâm là khu vực nội thành với bán kính 15 km và 4 cực phát triển; bốn trung tâm cấp thành phố tại bốn hướng phát triển, hai hướng chính là: hướng Đông và hướng Nam ra biển và hai hướng phụ là: hướng Tây - Bắc và hướng Tây, Tây - Nam. Không phát triển đô thị trong khu dự trữ sinh quyển ở Cần Giờ, các khu rừng đặc dụng, phòng hộ huyện Bình Chánh và Củ Chi.

2. Định hướng phát triển CSHTKT giao thông vận tải

Mạng lưới giao thông được tập trung phát triển nối liền các khu đô thị mới, các đô thị vệ tinh, các khu công nghiệp, các công trình đầu mối giao thông liên vùng, gắn kết chặt chẽ với các tỉnh trong Vùng đô thị thành phố Hồ Chí Minh (Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam) để hỗ trợ nhau phát triển đồng bộ kinh tế - xã hội tổng hợp của toàn vùng.

3. Định hướng phát triển CSHTKT cung cấp điện

- Điện thương phẩm hiện nay từ 7 - 8,5 %/năm, đến năm 2020 khoảng 33 - 35,4 tỷ Kwh, năm 2025 khoảng 48,5 - 50 tỷ Kwh.

- Công suất cực đại đạt hiện nay từ 3.800 - 4.000 MW, đến năm 2020 khoảng 6.100 - 6.500 MW và khoảng 9.000 MW vào năm 2025.

4. Định hướng phát triển CSHTKT công nghệ thông tin và bưu chính viễn thông: (i) Từng bước phủ sóng thông tin di động băng thông rộng đến 100% địa bàn dân cư; (ii) Phát triển hạ tầng viễn thông hiện đại kết nối với siêu xa lộ thông tin trong nước và quốc tế. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử; đến năm 2025 xây dựng TP. HCM là

Thành phố thông minh; (iii) Phát triển an toàn thông tin và an ninh mạng. Xây dựng các khu công nghệ cao, khu công viên phần mềm trọng điểm Quốc gia...

5. Định hướng phát triển CSHTKT cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải và rác thải …

* Phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật cấp nước

Đảm bảo tổng công suất từ hệ thống cấp nước chính từ 2.510.000 m3/ngày đêm năm 2015, đến năm 2025 đạt 3.700.000 m3/ngày đêm; giảm tỷ lệ thất thoát nước sạch từ 32% năm 2015 đến năm 2025 còn 25%; đảm bảo 100% dân cư khu vực nội thành cũ và 98% dân cư khu vực nội thành mới, khu vực ngoại thành được sử dụng nước sạch và đến năm 2025, tỷ lệ này đạt được 100%.

* Phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật thoát nước

Xây dựng hệ thống thoát nước dựa trên quan điểm hòa hợp với thiên nhiên. Phát triển hệ thống thoát nước phù hợp với sự phát triển của thành phố, đảm bảo phát triển đồng bộ giữa các khu vực.

* Phát triển CSHTKT xử lý nước thải, rác thải và vệ sinh môi trường Thành phố

Kiểm soát, ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm không khí, tiếng ồn, nước mặt, nước ngầm, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại, đồng thời khắc phục những nơi bị ô nhiễm nghiêm trọng đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường; phấn đấu xây dựng thành phố là một đô thị sinh thái.

4.1.3 Định hướng huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2020

Dự kiến huy động tổng vốn đầu tư toàn xã hội của Thành phố trong giai đoạn 2016-2020 khoảng 1.829.385 tỷ đồng (tăng bình quân mỗi năm 8,4%), chiếm khoảng 30% tổng sản phẩm nội địa (GRDP) của Thành phố, và tăng 53,3% so với giai đoạn 2011-2015, trong đó:

+ Vốn đầu tư từ Khu vực Nhà nước dự kiến là 367.221 tỷ đồng.

+ Vốn đầu tư từ khu vực ngoài Nhà nước là 1.120.598 tỷ đồng

+ Vốn đầu tư từ Khu vực nước ngoài (FDI) là 332.567 tỷ đồng.

Về đầu tư cho lĩnh vực hạ tầng giao thông vận tải, kho bãi tiếp tục là lĩnh vực ưu tiên, Thành phố dự kiến là 272.368 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng là 14,9% trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội, bao gồm vốn ngân sách, vốn ODA và vốn huy động từ khu vực tư nhân và FDI.

4.2 Những giải pháp chủ yếu nâng cao vai trò của Nhà nước đối với sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM giai đoạn tới

4.2.1 Nhóm giải pháp nâng cao Vai trò là Nhà quản lý đối với sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM của Nhà nước.

1. Giải pháp về quy hoạch phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

2. Giải pháp về quy hoạch phát triển Thành phố thông minh năm 2025

3. Giải pháp về đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM

4. Giải pháp về cơ chế quản lý hoạt động đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

5. Giải pháp về công tác giải phóng mặt bằng phục vụ thi công xây dựng công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn TP. HCM

6. Giải pháp về quản lý kinh doanh khai thác CSHTKT

7. Giải pháp tăng cường tính hiệu quả cho đầu tư công phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn TP. HCM

8. Hoàn thiện chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn TP. HCM

9. Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách và bộ máy quản lý nhà nước về phát triển nguồn nhân lực

10. Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý, các cơ chế chính sách liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên nước…

11. Tận dụng cơ hội của hội nhập quốc tế để phát triển khoa học - công nghệ về CSHTKT và bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng….

4.2.2 Nhóm giải pháp nâng cao Vai trò là Nhà đầu tư phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM của Nhà nước

1. Tiếp tục điều chỉnh phương thức phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển CSHTKT trên địa bàn TP. HCM.

2. Giải pháp sử dụng vốn ngân sách làm vốn mồi hay vốn đối ứng tham gia dự án đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM.

3. Giải pháp quản lý hiệu quả vốn vay cho đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM.

4. Tăng cường đầu tư phát triển nguồn nhân lực TP. HCM

5. Tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ cho TP. HCM.

4.2.3 Nhóm giải pháp nâng cao Vai trò là Nhà cung ứng dịch vụ công trong lĩnh vực CSHTKT trên địa bàn TP. HCM của Nhà nước

1. Đẩy mạnh việc giao, ủy quyền cho khu vực tư nhân cung ứng dịch vụ công trên địa bàn TP. HCM.

2. Giải pháp sử dụng vốn duy tu, bảo dưỡng công trình CSHTKT trên địa bàn TP. HCM.

3. Tăng cường công tác quản trị chất lượng trong việc cung ứng dịch vụ công

4.2.4 Nhóm giải pháp nâng cao Vai trò là Người kiểm soát sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM của Nhà nước

1. Giải pháp kiểm tra, giám sát việc soạn thảo các văn bản pháp lý ngành, địa phương về điều lệ, quy chế, quy định, quy trình… trong đầu tư xây dựng công trình CSHTKT trên địa bàn TP. HCM.

2. Giải pháp tăng cường hệ thống kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư xây dựng công trình CSHTKT trên địa bàn TP. HCM.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý quyết liệt, giải quyết dứt điểm các vụ việc về môi trường, các vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

4. Công tác kiểm tra, giám sát cần gắn với việc nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Từ kết quả nghiên cứu Luận án, rút ra một số kết luận sau:

1. Vai trò số một của nhà nước trong nền kinh tế thị trường là bảo đảm các hàng hóa công cộng cơ sở hạ tầng cho phát KT – XH.

2. Bản chất kinh tế CSHTKT là một loại hàng hóa công cộng và dịch vụ công. Quy luật thị trường đòi hỏi có sự tham gia của nhiều nhà cung cấp hàng hóa công cộng và yêu cầu người tiêu dùng chung về hàng hóa công cộng có chất lượng tốt và chi phí hợp lý.

3. Sự thành công trong việc phát triển CSHT là nhờ vai trò chủ đạo của nguồn vốn ngân sách kết hợp với việc tham gia của khu vực tư nhân để đầu tư CSHT. Việc xã hội hóa đầu tư cho phép các khu vực tư nhân tham gia vào quá trình cung cấp hàng hóa công cộng, không chỉ giúp người dân được hưởng các dịch vụ công chất lượng tốt, chi phí hợp lý, mà còn giảm gánh nặng ngân sách, giảm thiểu nợ công, giảm cơ hội tham nhũng của các cơ quan quản lý nhà nước, giảm trách nhiệm Nhà nước về cung ứng dịch vụ công và dành nhiều thời gian để tập trung vào các công việc thuộc chức năng quản lý nhà nước.

4. Đầu tư CSHTKT là hoạt động sử dụng các nguồn vốn vào xây dựng và phát triển các hệ thống công trình giao thông - vận tải, CNTT và bưu chính-viễn thông, sản xuất và cung cấp điện, hệ thống cấp - thoát nước và vệ sinh đô thị… nhằm phát triển KT - XH. Để phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn thành phố cấp tỉnh, gồm những nội dung

chủ yếu: Xây dựng, hoàn thiện thể chế đầu tư CSHTKT; xác định và phân loại lĩnh vực đầu tư CSHTKT trên địa bàn thành phố để định hướng thu hút các nguồn vốn đầu tư; xác định nhu cầu và thực hiện các chương trình, dự án thu hút, huy động vốn cho đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống CSHTKT đô thị trên địa bàn thành phố; tạo lập cơ cấu nguồn vốn đầu tư hợp lý, phù hợp với điều kiện cụ thể của thành phố trong từng giai đoạn lịch sử; triển khai thực hiện các hoạt động đầu tư phát triển CSHTKT trên địa bàn thành phố. Các hình thức chủ yếu của đầu tư công phát triển CSHTKT trên địa bàn thành phố cấp tỉnh: Một là, nhóm do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở Trung ương quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư và nhóm do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư. Hai là, nhóm các hình thức đầu tư xây dựng CSHTKT cụ thể theo hình thức đối tác công tư (PPP) gồm: BOT, BTO, BT, BOO, BLT, BTL, O&M…

5. Nhà nước thực hiện chức năng, vai trò của chủ thể quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư CSHTKT, trong đó, gồm những nội dung chủ yếu: quản lý đầu tư công, quản lý đầu tư tư nhân phát triển CSHTKT, thực hiện chức năng quản lý của nhà nước đối với hoạt động đầu tư CSHTKT. Nhà nước vừa đóng vai trò của Nhà quản lý, Nhà đầu tư, Nhà cung ứng hàng hóa và dịch vụ công và là Người kiểm soát hoạt động đầu tư CSHTKT.

6. Vai trò của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở Trung ương và Vai trò của chính quyền địa phương đối với sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn thành phố cấp tỉnh đều thể hiện trên cả 4 phương diện chủ yếu: Vai trò Nhà quản lý, vai trò Nhà đầu tư (đầu tư công), vai trò Nhà cung cấp dịch vụ công và vai trò Người kiểm soát hoạt động đầu tư CSHTKT. Trong đó, có sự phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phân quyền, phân cấp theo quy định của Hiến pháp, pháp luật giữa cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp và cơ quan tư pháp cấp trung ương; cũng như có sự phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phân cấp theo quy định của pháp luật của Chính quyền thành phố.

7. Kinh nghiệm của một số nước trong khu vực có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam như Philippines, Thái Lan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore đã chỉ ra rằng, vai trò của Nhà nước đối với sự phát triển kinh tế, phát triển CSHTKT là rất quan trọng và là cốt lõi của mọi vấn đề. Với việc hoạch định đúng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, từ đó, có các chính sách đầu tư được hoạch định và thực hiện linh hoạt phù hợp và đúng đắn chính là bài toán cho sự phát triển

CSHTKT nói riêng và cho nền kinh tế nói chung. Nhà nước cần sử dụng cơ chế thị trường để phát triển đầu tư CSHTKT. Cần cải cách hành chính và có bộ máy quản lý hiệu lực, hiệu quả hoạt động đầu tư CSHTKT, gắn với việc xây dựng đội ngũ công chức công tâm, tận tuy, có trách nhiệm cao và chuyên nghiệp trong quản lý đầu tư CSHTKT.

8. TP. HCM là một thành phố lớn cấp tỉnh loại đặc biệt, là một trung tâm kinh tế của cả nước với tốc độ phát triển kinh tế cao. Việc phát triển kinh tế của Thành phố đặt ra yêu cầu cao về phát triển CSHTKT. Đầu tư phát triển CSHTKT là một đầu tư đòi hỏi vốn lớn và là đầu tư dài hạn. Áp lực phát triển CSHTKT trên địa bàn thành phố đã tạo ra một áp lực tài chính rất lớn cho Chính quyền Thành Phố. Trong thời gian qua, Chính quyền Thành Phố đã có nhiều nỗ lực phát triển CSHTKT đô thị, nhưng do nguồn lực tài chính giới hạn nên các nỗ lực này vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển kinh tế. Một trong những nguyên nhân quan trọng là tỷ lệ điều tiết từ tổng nguồn thu nhân sách của thành phố cho ngân sách địa phương thấp và giảm mạnh từ 33% năm 2003 xuống chỉ còn 23% năm 2011-2015; đồng thời, tỷ lệ chi đầu tư phát triển trong tổng chi ngân sách địa phương của TP. HCM cũng có xu hướng giảm từ 40% năm 2011 xuống 38% năm 2015. Trong khi đó, việc thu hút các nguồn vốn tư nhân tham gia các dự án PPP trên địa bàn thành phố vẫn còn nhiều hạn chế. Điều đó phản ánh Trung ương chưa chú trọng đúng mức đến việc điều tiết NSNN cho đầu tư phát triển CSHTKT trên địa bàn TP. HCM. Đồng thời, các chỉ số về tỷ lệ vốn đầu tư phát triển 4 lĩnh vực CSHTKT cơ bản trong tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của TP. HCM giai đoạn 2011-2015 chỉ đạt 21,2% và bằng 7% GDP của thành phố, thấp hơn mức bình quân của cả nước (23% và 7,1%) cũng phần nào phản ánh chính quyền Thành phố chưa đầu tư đúng mức đến phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn thành phố.

9. Bên cạnh những thành quả đã đạt được, những tồn tại chủ yếu về vai trò của nhà nước đối với sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM là: Tầm nhìn và chất lượng quy hoạch đô thị chưa cao, chưa đồng bộ, thiếu tính liên kết vùng – ngành – lĩnh vực; Tổ chức quản lý sự phát triển đầu tư CSHTKT của chính quyền TP. HCM còn nhiều bất cập, hạn chế và chậm được khắc phục; vai trò của chính quyền TP. Hồ Chí Minh trong việc chủ động dẫn dắt, thúc đẩy liên kết vùng để phát triển đầu tư CSHTKT còn mờ nhạt…Tình hình đó đang đặt ra nhiều vấn đề đối với Nhà nước ở Trung ương và Chính quyền TP. HCM cần tiếp tục giải quyết để nâng cao vai trò của nhà nước.

10. Trong 10 năm tới, Đảng bộ và chính quyền TP. HCM đã đặt ra mục tiêu chiến lược là phải tạo bước đột phá chiến lược trong xây dựng

CSHTKT đồng bộ và hiện đại, kết nối hạ tầng các tỉnh trong vùng; tập trung giải quyết cơ bản ùn tắc giao thông, ngập nước, ô nhiễm môi trường . . .và xây dựng Thành phố thông minh…Để thực hiện được các mục tiêu chiến lược này, TP. HCM cần huy động tổng vốn đầu tư phát triển khoảng gần 2 triệu tỷ đồng cho giai đoạn 2016-2020, trong đó dành khoảng trên 30% cho đầu tư phát triển CSHTKT. Đây là một thách thức lớn đối với chính quyền TP. HCM.

11. Để nâng cao vai trò của nhà nước đối với sự phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn TP. HCM thời kỳ tới, chính quyền Thành phố cần thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp: nâng cao chất lượng quy hoạch phát triển đầu tư CSHTKT; quy hoạch xây dựng Thành phố thông minh; đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư CSHTKT; điều chỉnh và hoàn thiện cơ chế quản lý hoạt động đầu tư xây dựng công trình CSHTKT; hoàn thiện cơ chế quản lý kinh doanh khai thác các công trình CSHTKT; tăng cường tính hiệu quả cho đầu tư công và cung ứng dịch vụ công; tăng cường hệ thống kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư xây dựng công trình CSHTKT, nhất là đầu tư công. Lĩnh vực CSHTKT mang tính đa ngành và liên ngành cao, vì thế, cần nâng cao vai trò của nhà nước đối với phát triển khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực cho phát triển CSHTKT trên địa bàn TP. HCM. Đồng thời, không ngừng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên nước, ứng phó với biến đổi khí hậu…

12. Trong việc huy động, sử dụng các nguồn vốn cho phát triển đầu tư CSHTKT, cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các chính sách thu hút các nguồn vốn tư nhân trong và ngoài nước; phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển CSHTKT hợp lý; sử dụng hiệu quả nguồn vốn đối ứng của nhà nước tham gia các dự án PPP; sử dụng hiệu quả nguồn vốn cho duy tu bảo dưỡng công trình CSHTKT trên địa bàn Thành phố.

* Kiến nghị hướng nghiên cứu tiếp sau Luận án:

- Nghiên cứu sâu hơn vai trò của Chính phủ và UBND Thành phố Hồ Chí Minh đối với phát triển đầu tư CSHTKT của vùng Thành phố Hồ Chí Minh, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng Đông Nam Bộ.
- Nghiên cứu sâu hơn vai trò của chính quyền địa phương cấp quận, huyện và cấp phường, xã đối với phát triển đầu tư CSHTKT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ

1. " Thực trạng và giải pháp thúc đẩy thực hiện quyền tham gia của trẻ em ở Việt Nam" - Tạp chí Giáo dục lý luận (Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực 1 - Hà Nội). Số tháng 6/2012.

2. "Việt Nam cam kết xây dựng một thế giới phù hợp với trẻ em" - Tạp chí Quản lý Nhà nước (Học viện hành chính quốc gia). Số tháng 6/2012.

3. "Thực trạng và giải pháp kiện toàn hệ thống tổ chức bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở Việt Nam hiện nay" - Tạp chí Tổ chức Nhà nước (Bộ Nội vụ). Số tháng 6/2012.

4. "Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở nước ta hiện nay. Kết quả và vấn đề đặt ra" - Tạp chí Báo cáo viên (Ban Tuyên giáo Trung ương). Số tháng 8/2012.

5. "Hoàn thiện pháp luật về chăm sóc, bảo vệ trẻ em" - Tạp chí Quản lý Nhà nước (Học viện hành chính quốc gia). Số tháng 8/2014.

6. Thực trạng xã hội hóa công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở Việt Nam hiện nay" - Tạp chí Tổ chức Nhà nước. Số tháng 3/2016.

7. Báo cáo kết quả nghiên cứu dự án "Vai trò của tổ chức xã hội trong Luật Hôn nhân và Gia đình liên quan đến vấn đề bảo vệ quyền trẻ em", đồng tác giả, Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam (2013).